

gửi Công ty

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *3263*/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày *17* tháng *9* năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc điều chỉnh Quyết định số 344/QĐ-UBND
ngày 11/02/2014 của UBND tỉnh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số *102*^U/TTr-STNMT ngày *07* tháng *9* năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh Quyết định số 344/QĐ-UBND ngày 11/02/2014 của UBND tỉnh với nội dung như sau:

1. Điều chỉnh tên người thuê đất từ Công ty Cổ phần Amata (Việt Nam) thành Công ty Cổ phần Đô thị Amata Biên Hòa.

2. Điều chỉnh Điều 1 Quyết định số 344/QĐ-UBND ngày 11/02/2014 của UBND tỉnh thành như sau:

Chấp thuận cho Công ty Cổ phần Đô thị Amata Biên Hòa thuê 292.150,0 m² đất tại phường Long Bình, thành phố Biên Hòa để sử dụng vào mục đích đất khu công nghiệp (xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Amata giai đoạn II mở rộng lần 2), cụ thể:

- Diện tích đất công nghiệp 210.351,3 m².

- Diện tích đất hạ tầng kỹ thuật 1.574,9 m².



- Diện tích đất cây xanh 11.477,7 m².
- Diện tích đất giao thông 44.218,3 m².
- Diện tích đất điều hành, dịch vụ 24.527,8 m².

Hình thức sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm. Đối với diện tích đất xây dựng kết cấu hạ tầng sử dụng chung trong khu công nghiệp thì Công ty Cổ phần Đô thị Amata Biên Hòa không phải trả tiền thuê đất.

Thời hạn sử dụng đất: Đến ngày 05/02/2058 (theo thời hạn tại Giấy chứng nhận đầu tư đã cấp cho Công ty).

Thời điểm tính tiền thuê đất:

- Tính từ ngày 07/3/2013 đối với diện tích 76.554,2 m², gồm:
 - + Diện tích đất công nghiệp 56.805,7 m².
 - + Diện tích đất công trình hạ tầng kỹ thuật 1.016,7 m².
 - + Diện tích đất cây xanh 3.186,5 m².
 - + Diện tích đất giao thông 8.248,8 m².
 - + Diện tích đất điều hành, dịch vụ 7.296,5 m².
- Tính từ ngày 16/5/2013 đối với diện tích 151.111,3 m², gồm:
 - + Diện tích đất công nghiệp 104.776,4 m².
 - + Diện tích đất công trình hạ tầng kỹ thuật 271,2 m².
 - + Diện tích đất cây xanh 4.523,3 m².
 - + Diện tích đất giao thông 26.161,0 m².
 - + Diện tích đất điều hành, dịch vụ 15.379,4 m².
- Tính từ ngày 31/7/2013 đối với diện tích 44.174,9 m², gồm:
 - + Diện tích đất công nghiệp 33.272,4 m².
 - + Diện tích đất công trình hạ tầng kỹ thuật 203,5 m².
 - + Diện tích đất cây xanh 2.928,9 m².
 - + Diện tích đất giao thông 7.624,3 m².
 - + Diện tích đất điều hành, dịch vụ 145,8 m².
- Tính từ ngày 29/11/2013 đối với diện tích 20.309,6 m², gồm:
 - + Diện tích đất công nghiệp 15.496,8 m².

- + Diện tích đất công trình hạ tầng kỹ thuật 83,5 m².
- + Diện tích đất cây xanh 839,0 m².
- + Diện tích đất giao thông 2.184,2 m².
- + Diện tích đất điều hành, dịch vụ 1.706,1 m².

- Vị trí, ranh giới khu đất được xác định theo tờ chuyên thiết kế quy hoạch lên bản đồ địa chính khu đất số 11690/2017, tỷ lệ 1/1000 do Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh xác lập ngày 20/11/2017.

Lý do điều chỉnh quyết định cho thuê đất: Điều chỉnh cơ cấu sử dụng đất và tên người sử dụng đất cho phù hợp với việc điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng và việc đổi tên của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 2. Căn cứ Điều 1 của Quyết định này, các cơ quan có trách nhiệm thực hiện như sau:

1. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường ký phụ lục hợp đồng thuê đất với Công ty Cổ phần Đô thị Amata Biên Hòa theo quy định.
2. Giao Sở Tài chính xác định các Khoản mà người sử dụng đất được khấu trừ vào tiền thuê đất phải nộp.
3. Giao Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh đăng Quyết định này lên Cổng thông tin điện tử của tỉnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành. Mọi điều khoản khác của Quyết định số 344/QĐ-UBND ngày 11/02/2014 của UBND tỉnh vẫn giữ nguyên giá trị pháp lý.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Thông tin và Truyền thông; Cục trưởng Cục Thuế, Chủ tịch UBND thành phố Biên Hòa, Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh, Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Biên Hòa, Chủ tịch UBND phường Long Bình, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đô thị Amata Biên Hòa; Các tổ chức, hộ gia đình và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch;
- Chánh, Phó Văn phòng CNN;
- Lưu: VT, CNN, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Văn Chánh